

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 12 - 7 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Ngô Thị Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Đ; sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Đồng Minh, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ch; sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn Đồng Minh, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Đ, vắng mặt anh Ch không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, trong bản tự khai ngày 15/5/2018 và tại phiên tòa, chị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai bên đều cảm thấy mệt mỏi. Chị và anh Ch đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/3/2010, hiện nay cháu D đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi

con và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 14/5/2018, anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai bên đều cảm thấy mệt mỏi. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn chị Đ.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/3/2010, hiện nay cháu đang ở với chị Đ. Ly hôn, anh Ch yêu cầu được giao cháu D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi Tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về tài sản : Vợ chồng tự thỏa thuận, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự thì chị Đ và anh Ch thuận tình ly hôn và thỏa thuận được tất cả các vấn đề có trong vụ án nhưng anh Ch không có mặt tại phiên hoà giải nên Toà án không ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Sau đây được viết là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Ch không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Ch và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Ch theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Ch đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Ch đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh Ch đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh Ch vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Tình trạng trên kéo

dài khiến cho cả hai bên đều cảm thấy mệt mỏi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chính vì thế mà chị Đ và anh Ch đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị Đ và anh Ch đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã Thành Tâm xác nhận. Nay cả chị Đ và anh Ch đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Đ được ly hôn anh Ch.

[3] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/3/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị Đ. Ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Ch cũng đồng ý giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Bản thân cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ và anh Ch, giao cháu Nguyễn Tiến D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị Đ và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Đ, anh Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/3/2010, cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Ch có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Ch còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Đ chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002304 ngày 10/5/2018. Chị Đông đã nộp đủ tiền án phí. Anh Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Đ, vắng mặt anh Ch. Chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

